

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ trong các lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp; Phòng chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và các Nghị định liên quan kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 470/QĐ-BLĐTBXH ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 236/TTr-SLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ trong các lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp; Phòng chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban

nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và:

- Sửa đổi, bổ sung 14 thủ tục hành chính từ số 1, 2, 4 đến số 11, số 13 đến số 16 Mục VI, phần A tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Bãi bỏ 06 thủ tục hành chính số 6 mục IV, số 3, 12 Mục VI, phần A; số 2, 3 Mục IV phần B; số 2 Mục IV phần C tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo các nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như điều 4 (t/h);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh ;
- + CVP, Các PCVP (đ/b) ;
- + Trung tâm PVHCC tỉnh (t/h);
- + Công thông tin điện tử tỉnh (t/h);
- Viễn thông Kon Tum (p/h) ;
- Lưu: VT, TTHCC.LHP.



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC: GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP; PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI; ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN; ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH: 10 TTHC

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 06 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
I.1	LĨNH VỰC: GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (03 TTHC)								
1	1.010927.000.00.00.H34	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	x	x	x
2	1.000266.000.00.00.H34	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số	x	x	x

		trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương				143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP			
3	1.010928.000.00.00.H34	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	x	x	x
I.2	LĨNH VỰC: PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (03 TTHC)								
1	1.010935.000.00.00.H34	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy	x	x	x
2	1.010936.000.00.00.H34	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng,	x	x	x

						chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy			
3	1.010936.000.00.00.H34	Thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy	x	x	x

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN: 03 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
II.1 LĨNH VỰC: PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (03 TTHC)									
1	1.010935.000.00.00.H34	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý	x	x	x

									ích
III.1	LĨNH VỰC: PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (01 TTHC)								
1	1.010941.000. 00.00.H34	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP Nghị định số 116/2021/NĐ-CP 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy	x	x	x

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG: 14 TTHC**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 14 TTHC**

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
I.1	LĨNH VỰC: GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (14 TTHC)								
1	1.000243.000.00.00.H34	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	X	X	X
2	2.000099.000.00.00.H34	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	X	X	X

3	1.000234.000.00.00.H34	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP 	x	x	x
4	1.000031.000.00.00.H34	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP 	x	x	x
5	1.000160.000.00.00.H34	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP 	x	x	x

6	1.000138.000.00.00.H34	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	x	x	x
7	1.000154.000.00.00.H34	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	x	x	x
8	1.000553.000.00.00.H34	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	x	x	x

9	1.000530.000. 00.00.H34	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	x	x	x
10	1,000509.000. 00.00.H34	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	x	x	x
11	1.000482.000. 00.00.H34	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	x	x	x
12	2.000189.000. 00.00.H34	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số	x	x	x

		trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp		công tỉnh		15/2019/NĐ-CP - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP			
13	1.000389.000.00.00.H34	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	- 10 ngày làm việc (đối với các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 18 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP) - 03 ngày làm việc (đối với trường hợp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	x	x	x

			đôi tên doanh nghiep)						
14	1.000167.000. 00.00.H34	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	x	x	x

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ: 06 TTHC**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 03 TTHC**

STT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I.1	LĨNH VỰC: PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠ XÃ HỘI (01 TTHC)	
1	Nghỉ chịu tang của học viên tại trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy
I.2	LĨNH VỰC: GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (02 TTHC)	
1	Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN: 02 TTHC

STT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
II.1	LĨNH VỰC: PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (02 TTHC)	
1	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy
2	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai	

tại trung tâm quản lý sau cai nghiện

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 01 TTHC

STT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
III.1	LĨNH VỰC: PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (01 TTHC)	
1	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy

Tổng cộng: 30 Thủ tục hành chính (trong đó: 10 TTHC mới ban hành; 14 TTHC sửa đổi, bổ sung; 06 TTHC bãi bỏ).